

VỀ VÀI ĐỊA DANH MANG TÊN THẢO MỘC.

Hồ Đình Vũ.

Ở Việt Nam có rất nhiều địa danh mang tên thảo mộc. Trong khuôn khổ bài viết này chúng tôi chỉ đề cập đến Gò Vấp, Củ Chi, Trảng Bàng, Giồng Trôm, Thốt Nốt và Bạc Liêu mà thôi.

GÒ VẤP

Trước năm 1975 Gò Vấp là một quận của tỉnh Gia Định gồm có 8 xã. Quận lỵ Gò Vấp cách Sài Gòn 10km. Đó là nơi có nhiều thành quách (An Nhơn, Hạnh Thông Tây), vườn rau cải (Hạnh Thông Tây), ruộng rau muống (Xóm Mới), vườn dừa (An Phú Đông, Bình Triệu), vườn sầu riêng, măng cụt (Nhị Bình), vườn bưởi (Thạnh Lộc) với hai xã đông dân cư và phồn thịnh về kinh tế và thương mại gần Sài Gòn: Bình Hòa và Thạnh Mỹ Tây.

Sau năm 1975 Gò Vấp là một quận trong thành phố. Diện tích Gò Vấp bấy giờ thu hẹp chỉ còn 20 km². Các xã Bình Hòa, Thạnh Mỹ Tây trở thành quận Bình Thạnh, Nhị Bình, Thạnh Lộc, An Phú Đông sát nhập vào quận Hóc Môn.

Gò Vấp là quận đông dân cư. Đó là nơi có nhiều giáo đường và chùa chiền. Viện Mồ Côi và bệnh viện Cộng Hòa nằm trong quận này. Sau năm 1954 Gò Vấp nổi tiếng về việc sản xuất pháo (Xóm Mới). Địa danh Gò Vấp do tên của cây vấp mà ra. Tên khoa học của cây vấp là *Mesua coromandelina*, *Mesua ferrea*, *Mesua nagassanum*... thuộc gia đình Clusiaceae hay Guttiferae. Loại thảo mộc này có nhiều ở Ấn Độ, Sri Lanka và các quốc gia Đông Nam Á. Người Ấn Độ gọi là nagkesa; tiếng Phạn (Sanskrit): nagakesara; Khmer: bos neak. Người Anh gọi là cobra saffron vì theo tiếng Phạn naga có nghĩa là con rắn và chữ saffron gọi lên màu vàng của cây vấp. Tiếng anh cũng gọi cây vấp là iron wood tree hay Ceylon ironwood (thiết mộc Tích Lan).

Cây vấp cao từ 15 - 20m. Gỗ màu vàng rất cứng, ngâm dưới nước không bị rã mục. Lá cây vấp nhọn, thon, dài trông rất đẹp. Lá non màu đỏ bầm. Hoa to, màu trắng bốn cánh với nhụy vàng. Hoa có hương thơm. Trái có hạt dùng để lấy dầu.

Gỗ cây vấp dùng để làm nhà, gạch đường rầy xe lửa rất tốt. Dầu lấy từ hạt cây vấp dùng để thắp đèn.

Cây vấp là quốc mộc ở Sri Lanka (đảo Ceylon: Tích Lan), nơi cây vấp được gọi là nahar.

Người ta dùng hoa, rễ và hạt cây vấp để làm thuốc trị bệnh. Hoa được dùng để trị táo bón, đau bụng, phong hải, ho, sốt, bất lực sinh lý. Dầu dùng để trị các chứng bệnh ngoài da, trị ghẻ, tê thấp. Dầu cây vấp có nhiều axit béo: axit stearic, oleic, linoleic và arachidic. Hoa khô dùng để trị bệnh trĩ, kiết lỵ. Hoa tươi trị ngứa, kinh nguyệt, khát nước quá độ (tiêu khát; tiểu đường), ra mồ hôi. Rễ dùng để trị rắn cắn. Lõi cây vấp có nhiều xanthones: euxanthones, mesuaxanthones A, mesuaferone B. Nhụy hoa có hai bioflavonoids: mesuaferone A và mesuaferone B và axit mesuanic. Vỏ có feruol B và triterpenoid gutiferol.

CỦ CHI

Trước năm 1954 Củ Chi là một quận trong tỉnh Gia Định. Sau năm 1954 quận này nằm trong tỉnh Bình Dương một thời gian ngắn. Khi tỉnh Hậu Nghĩa được thành lập, Củ Chi nằm trong tỉnh tân lập này. Trước năm 1975 Củ Chi có 14 xã.

Sau năm 1975 Củ Chi là một quận ngoại thành của thành phố. Quận Củ Chi nằm cách Sài Gòn 40 km. Diện tích quận Củ Chi lồi 435 km². Đa số dân đều sống bằng nghề nông và đan thúng rổ, làm vật dụng bằng mây. Củ Chi được biết đến nhiều trong chiến tranh vừa qua. Vùng này nằm trong vùng Tam Giác Sắt. Bộ tư lệnh Sư Đoàn 25 đóng tại đây. Sau năm 1975 tân chế độ gọi Củ Chi là Đất Thép Thành Đồng và biến Địa Đạo Củ Chi thành vùng du lịch.

Củ Chi là sinh quán của Trần Minh Tiết, Chánh Án Tối Cao Pháp Viện VNCH; Phan Văn Khải, cựu thủ tướng CHXHCNVN.

Địa danh Củ Chi phát xuất từ tên gọi của cây củ chi tức mã tiền. Cây củ chi hay mã tiền được tìm thấy nhiều ở Nam Á và Đông Nam Á. Tên khoa học của nó là *Strychnos nux-vomica* thuộc gia đình Loganiaceae. Người Anh gọi là poison nut (vì độc chất của mã tiền), quaker buttons, snake-wood, nux-vomica, strychnine tree. Người Ấn Độ có nhiều kinh nghiệm về việc dùng mã tiền (củ chi) làm thuốc. Họ gọi mã tiền (củ chi) là kuchala. Người Trung Hoa gọi là ma qian zi.

Cây củ chi cao đến 25 m. Lá bầu như trầu. Trên lá có nhiều gân lá song song với rìa lá. Hoa nhỏ màu trắng ngà kết thành chùm. Trái tròn màu vàng cam khi chín. Gỗ trắng và cứng.

Củ chi nổi tiếng vì độc chất của nó. Nhưng độc chất đó cũng được nghiên cứu kỹ lưỡng để dùng vào việc chữa trị bệnh. Nó có alkaloid strychnine rất độc. Vỏ có brucine và nhiều hợp chất độc khác. Nói chung cây củ chi có nhiều độc chất. Nhưng dùng ở liều lượng đúng, nó trở thành thuốc trị đau bụng, gây nôn, táo

bón, mất ngủ, bệnh tim, thần kinh, tinh thần hồi hộp bất an, kinh nguyệt không điều hòa, bệnh hô hấp của người già, viêm vành tai ngoài gây ngứa ngáy khó chịu.

Trong y học dân gian người ta xem mã tiền như thuốc bổ tạo sự thèm ăn. Hiện nay ở Trung Hoa người ta nghiên cứu xem củ chi có thể dùng vào việc chữa trị ung thư gan hữu hiệu hay không.

TRĂNG BÀNG

Trăng Bàng là một quận trong tỉnh Tây Ninh gồm có 7 xã. Quận này nằm cách Sài Gòn 50 km về phía tây bắc. Quận Trăng Bàng rộng lối 340 km². Trăng Bàng nổi tiếng với bánh canh giò heo ăn với bánh tráng phơi sương (không cần nhúng nước), rau rừng và nước mắm pha chế đặc biệt của người miền đông Nam Bộ. Năm 1972 một bức ảnh chụp một em bé trần truồng chạy ngoài quốc lộ ở Trăng Bàng sau một cuộc dội bom napalm trong một làng trong quận Trăng Bàng được giải thưởng Pulitzer.

Trăng Bàng là sinh quán của giáo sư Nguyễn Ngọc An, người sáng lập hai trường Minh Đức (Trăng Bàng) và Tân Dân (Hóc Môn). có một thời ông là tổng trưởng bộ Thông Tin và Chiêu Hồi.

Theo từ nguyên thì Trăng (savanna) là một vùng đất trống có nhiều cỏ và cây cùng một loại mọc thưa. Bàng là cây bàng, một loại thảo mộc được tìm thấy nhiều ở Nam Á, Đông Nam Á, Nam Hoa, các hải đảo Thái Bình Dương và biển Caribbean.

Tên khoa học của cây bàng là *Terminalia molucca* (còn nhiều tên khác) thuộc gia đình Combretaceae. Chữ molucca trong tên khoa học cho thấy nguồn gốc Molucca, Indonesia, của loại thảo mộc này hay ít ra nó cũng có nhiều trên đảo này. Người Anh gọi cây bàng là umbrella tree (vì bóng mát rộng lớn của nó), tropical almond (hạnh nhiệt đới) như người Tây Ban Nha gọi almondro de la India (hạnh Ấn Độ) Người Miền Điện gọi là badan và Khmer là pareang prang.

Cây bàng cao đến 25 m, có nhiều nhánh nên cho bóng mát rộng lớn. Lá bàng to, dày và láng. Vào mùa thu lá chuyển sang màu vàng rồi đỏ rất đẹp trước khi rụng. Trái bàng khá to, cơm dày ăn được. Hạt có nhiều dầu và có mùi dễ chịu. Hạt được ăn sống hay rang chín. Lá hay hoa cây bàng đều đẹp. Lá tươi hay khô đều được dùng làm thuốc nhuộm. Màu xanh chuyển sang màu vàng khi cho phèn chua và sulfate sắt vào. Gỗ cây bàng rất cứng và đẹp. Nó được dùng để cất nhà hay làm đồ mộc. Trồng cây bàng để có bóng mát, có nhiều gỗ, thanh lọc không khí, chống xâm thực ngoài bờ biển và tạo phong cảnh đẹp.

Lá, gỗ, vỏ, hạt cây bàng đều được dùng làm thuốc. Sự dồi dào tannins của lá, vỏ làm cho cây bàng hữu dụng trong việc trị chứng tiêu chảy, kiết lỵ và đau nhức. Hạt được dùng làm thuốc trị huyết tiện (hematuria). Ở Ấn Độ người ta dùng lá bàng trị tê thấp. Kết hợp với thuốc xức để trị ghẻ, phong hủi và các chứng bệnh về da.

Trái bàng có ác xít tannic. Tannin của lá và vỏ cây bàng có punicalagin chống oxy hóa. Những thí nghiệm gần đây vào chuột cho thấy hoạt chất lấy từ lá bàng có tác dụng bảo vệ gan.

Ngoài cây bàng vừa nói qua còn có cây bàng nước mang tên khoa học *Terminalia belerica* (còn nhiều tên khác) thuộc gia đình Combretaceae. Đó là một loại thảo mộc miền nhiệt đới và khí hậu đại dương như cây bàng *Terminalia molucca*. Người Anh gọi cây bàng nước là belliric myrobalan (người Miền Điện gọi cây bàng là Balan); người Ấn Độ gọi là Bibitaki. Tiếng Sanskrit (Phạn) gọi cây bàng nước là Vibhitaki, có nghĩa là không sợ bị bệnh. Tên gọi này cho thấy tính năng trị liệu cao của cây bàng nước.

Cây bàng nước có sistosterols, ác xít gallic, ellagic, chebulagic, galloyl glucose và đường. Hạt có ác xít oxalic, protein. Vỏ có nhiều tannins.

Trái bàng nước nhuận trường, cầm máu, trị đau cổ họng, ho, đau mắt, bệnh ngoài da, phong hủi, thủy thũng, tiêu chảy, kiết lỵ, làm cho tóc đen. Nó kháng trùng, kháng ung thư và bảo vệ gan chống nhiễm độc chất.

GIÒNG TRÔM

Trước năm 1975 Giồng Trôm là một quận của tỉnh Kiến Hòa (Bến Tre) với 15 xã. Sau 1975 nó vẫn là một quận của Bến Tre với diện tích lối 310 km². Quận lỵ Giồng Trôm nằm trên bắc vĩ tuyến 10 độ 15' và đông kinh tuyến 106 độ 05'.

Giồng Trôm là một quận nông nghiệp. Đó là quận sinh quán của Cử Trị tức Phan Văn Trị (1830 - 1910), người đã kích Tôn Thọ Tường hợp tác với người Pháp vào thế kỷ XIX; tướng Đồng Văn Cống, Nguyễn Thị Định trong hai cuộc chiến tranh Việt Nam vừa qua. Tân chế độ luôn nhắc và tự hào về cuộc Đồng Khởi Bến Tre xuất phát từ Cù Lao Bảo và Cù Lao Minh trong quận Giồng Trôm vào ngày 17-01-1960 mở đầu cho cuộc chiến tranh Việt Nam lần thứ hai (1960-1975).

Ở Nam Bộ có rất nhiều địa danh có chữ Giồng như Giồng Ông Tố, Giồng Gạch, Giồng Ông Khuê v.v. Giồng là vùng đất cao ít nước, Trôm là cây trôm. Có hai loại cây trôm:

- 1- Trôm hôi *Sterculia foetida*.
- 2- Trôm nhựa *Sterculia hypochra*.

Cả hai loại trôm này đều thuộc gia đình Sterculiaceae như cây cola, cây lười ươi hay gia đình Malvaceae như bông vải, cây gòn.

Thảo mộc thuộc gia đình Sterculiaceae đều có mùi hôi khó chịu. Theo tiếng La Tinh Stercus có nghĩa là "phân". Chữ foetida trong tên khoa học của cây trôm hôi phản ánh mùi hôi của nó. Người Anh gọi cây trôm hôi là Java olive ((ô-liu Java), Skunk tree (cây chồn hôi). Người Lào gọi là som hong.

Cây trôm hôi được tìm thấy nhiều ở Indonesia, Mã Lai, Phi Luật Tân, Việt Nam, Ấn Độ. Ở Hoa Kỳ nó được tìm thấy ở Hawaii, Arizona. Cây trôm cao từ 15-25 m. Lá dày, dài và láng rất đẹp, cùng một cuống có 5 lá tụ lại thành hình ngôi sao. Hoa đỏ rất đẹp. Trái có vỏ dày. Bốn năm trái tụ lại tạo thành hình ngôi sao đỏ khi chín. Khi lớp vỏ cứng bên ngoài vỡ ra, bên trong có nhiều hạt màu đen nhạt. Hạt rất chắc và có nhiều dầu. Người ta dùng dầu trôm để thắp đèn. Hạt trôm rang dùng để ăn. Gỗ trôm không cứng chắc nên không có giá trị trong ngành mộc. Nhưng cây trôm cho bóng mát và tạo cảnh đẹp cho vùng khí hậu nhiệt đới và bán nhiệt đới.

Hạt trái trôm có ác xít sterculic, oleic, myristic, palmitic, tristerculic, tristearin, ác xít béo và glycerides. Hạt trái trôm nhuận trường. Dầu trôm màu vàng nhạt có thể dùng như dầu ô-liu trong nấu nướng hay dùng để thắp đèn. Ở Cambodia người ta dùng dầu cây trôm làm mỹ phẩm. Bánh dầu dùng để trị ghẻ ngứa.

Cây trôm nhựa Stercularia hypochra có nhiều ở những vùng nhiệt đới và bán nhiệt đới trên thế giới. Người Khmer gọi là Tlon. Tỉnh Biên Hòa là nơi có nhiều cây trôm nhựa. Hoa trôm nhựa màu vàng và có lông mịn. Trái hình trứng. Nhiều trái tụ lại thành hình ngôi sao như cây trôm hôi. Trái có vỏ ngoài rất cứng. Hạt đen nhạt rất chắc. Hạt có nhiều dầu. Thân cây trôm nhựa có nhiều nhựa. Khi dùng dao bấm vào thân cây, nhựa tuôn ra. Nhựa đó là Gummi sterculiae hydrochae màu vàng nhạt dễ hòa tan trong nước. Khi ra không khí nhựa chuyển sang màu đen. Theo kinh nghiệm dân gian người ta dùng nhựa này để ăn cho mát cơ thể và để trị chứng tiêu chảy. Ở Phi Châu người ta dùng nhựa để trị tiêu chảy. Nó hữu dụng trong ngành nhuộm.

THỐT NỐT

Trước năm 1975 Thốt Nốt là một quận của tỉnh An Giang (tên cũ: Long Xuyên). Quận Thốt Nốt gồm có 9 xã. Đó là một trong những vùng nông nghiệp trù phú bên châu thổ sông Cửu Long. Thốt Nốt là quận tương đối "thái bình" trong cuộc chiến tranh vừa qua. Thốt Nốt có nhiều tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo. Về vị trí địa lý đó là trục giao thông bằng đường thủy quan trọng nối liền các tỉnh An Giang – Phong Dinh (Cần Thơ) – Châu Đốc – Kiến Phong.

Sau năm 1975 Thốt Nốt là một huyện trong tỉnh Cần Thơ. Huyện này cũng có 9 xã như trước..

Thốt Nốt âm từ chữ Thnot của người Khmer chỉ một loài thảo mộc giống như cây dừa. Nhựa của cây này được dùng để làm ra đường "thốt nốt" khác với đường mía.

Tên khoa học của cây thốt nốt là Borassus flabellifer thuộc gia đình Palmae (lá cọ) hay Arecaceae (dừa, cau).

Tên gọi của người Anh, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha về thốt nốt luôn có chữ Palmyra. Palmyra là tên một thành phố cổ ở Syria gần thủ đô Damascus. Trong Thánh Kinh Do Thái thành Palmyra được biết dưới tên Tadmor.

Có phải chăng cây thốt nốt xuất phát từ Palmyra, Syria?

Hay Phi Châu như tên gọi African fan palm của người Anh?

Cây thốt nốt được tìm thấy nhiều ở Ấn Độ, Sri Lanka, Mã Lai, Indonesia, New Guinea, Miến Điện, Thái Lan, Cambodia. Có thể cây thốt nốt ở Đông Nam Á gốc Ấn Độ, nơi cây thốt nốt được gọi là TALTAR. Ở Miến Điện, Thái Lan âm Tan của chữ TAL (âm đầu của chữ taltar) được tìm thấy như tanabin (Miến) và tan-yai (Thái). Ở Mã Lai và Indonesia nơi ảnh hưởng ngôn ngữ và văn hóa của Ấn Độ rất đậm nét âm TAR (âm sau cùng của chữ taltar) được tìm thấy trong tên gọi LONTAR.

Ở Ấn Độ và Sri Lanka có nhiều đồn điền thốt nốt. Thốt nốt được xem là thiên thanh mộc vì có công dụng đa dạng. Người Việt Nam biết đến cây thốt nốt khi tiếp xúc với người Khmer vào thế kỷ XVII và XVIII.

Cây thốt nốt cao từ 20 - 25 m. Cây hao hao giống cây dừa. Tàu lá cũng hao hao giống tàu lá dừa. Tàu lá dài đến 2 - 3 m. Trái thốt nốt nhỏ chớ không to như trái dừa. Khi còn non nó có 3 cạnh vì mỗi trái có ba hạt bên trong. Khi lớn trái có hình bầu dục. Cơm và hạt trái thốt nốt đều ăn ngon.

Khác với cây dừa, cây thốt nốt chịu nắng hạn rất tốt. Cây có nhiều công dụng trong đời sống cư dân miền nhiệt đới và bán nhiệt đới như cây dừa vậy. Gỗ cứng màu đen đỏ, dùng làm nhà hay hàng rào. Miến Điện là quốc gia xuất cảng gỗ thốt nốt nổi tiếng. Lá thốt nốt dùng để lợp nhà, đan thúng rổ, nón, quạt hay chằm làm áo mưa. Ngày xưa người Indonesia và Khmer dùng lá thốt nốt làm giấy để khắc chữ viết để lưu văn kiện và tài liệu.

Nhựa cây thốt nốt dùng để làm đường hay cho lên men để làm ra rượu arrack hay làm giấm. Trung bình một cây thốt nốt có thể cho 350 trái mỗi năm. Mỗi cây cho 4 - 5 lít nhựa mỗi ngày suốt 200 ngày trong năm. Tàu lá phơi khô dùng để làm củi nấu nướng. Tàu lá có nhiều sợi. Người ta chẻ tàu lá tươi để làm dây cột hay bện thành dây thừng to và bền chắc.

Đường thốt nốt bổ hơn đường mía vì có nhiều glucose, sucrose, chất béo, chất sắt, chất vôi, phosphorus

và sinh tố B.

Cây thốt nốt non dùng để trị kiết lỵ, làm rau. Rễ rất nhuận tiểu, lợi cho bộ hô hấp và khả năng diệt lã trong đường ruột. Người ta đốt mo bông lấy tro để chữa bệnh gan và sưng lá lách. Vỏ cây thốt nốt sắc nước dùng để súc miệng. Nhựa lấy từ hoa thốt nốt rất bổ, nhuận tiểu, kháng khuẩn, tiêu đàm. Đường thốt nốt dùng để chữa viêm da.

Người Việt Nam trồng dừa nhưng không trồng thốt nốt và dùng đường mía chứ không dùng đường thốt nốt. Người viết bài này dành cho độc giả quyền suy luận để tìm hiểu cái tại sao của tiền nhân khi ở địa danh Thốt Nốt không có cây thốt nốt.

BẠC LIÊU

Bạc Liêu nằm về phía đông nam Nam Bộ cách Sài Gòn 280 cây số về phía nam. Vùng đất này hình thành trên bản đồ hành chính vào năm 1735 do công lao của Mạc Thiên Tích. Vào thế kỷ XIX, dưới triều Nguyễn, Bạc Liêu là một huyện của trấn Hà Tiên (Hà Trấn). Năm 1833 Hà Trấn được đổi thành tỉnh Hà Tiên. Dưới thời Pháp thuộc Bạc Liêu là một trong 21 tỉnh ở Nam Kỳ. Tỉnh Bạc Liêu có các quận: Giá Rai, Cà Mau, Thới Bình, Quản Long, Tân Bang, Năm Căn Đông và Tây, Vĩnh Châu. Năm 1956 quận Giá Rai sát nhập vào tỉnh Ba Xuyên (tên cũ: Sóc Trăng). Các quận còn lại nằm trong tỉnh An Xuyên.

Sau năm 1975 tỉnh An Xuyên được đổi thành tỉnh Minh Hải. Năm 1996 tỉnh Minh Hải được chia ra làm hai tỉnh:

- 1- Tỉnh Bạc Liêu (Bắc)
- 2- Tỉnh Cà Mau (Nam)

Tỉnh Bạc Liêu có 6 huyện: Đông Hải, Giá Rai, Hòa Bình, Hồng Dân, Phước Long, Vĩnh Lợi. diện tích lối 2.500 km². Đó là một tỉnh trù phú về lúa gạo, ngư sản. Bạc Liêu là nơi có nhiều người Việt gốc Hoa và người Khmer Krom sinh sống. Đó là chiếc nôi của Vọng Cổ Hoài Lang, là sinh quán của Công Tử Bạc Liêu Trần Trinh Huy (1900-1973) nổi tiếng hào sảng nhất nước thời thuộc địa.

Bạc Liêu nước chảy lờ đờ

Dưới sông cá chớt trên bờ Triều Châu.

Bạc Liêu âm từ tiếng Khmer Po-Loeuth có nghĩa là cây da to lớn. Tên khoa học của cây da là Ficus indica hay Ficus benghalensis cho thấy xuất xứ Ấn Độ và vùng Bengal của cây da.

Đó là một loại thảo mộc miền nhiệt đới và khí hậu đại dương được tìm thấy nhiều ở Ấn Độ, Sri Lanka, Pakistan, các nước Đông Nam Á, hải đảo Thái Bình Dương v.v... Cây da cao lối 25m, có nhiều nhánh nên cho bóng mát rất tốt. Gốc cây rất to. Ngoài rễ dưới đất nó còn có nhiều rễ treo trên cành và đâm thẳng xuống đất để trở thành một thân cây nhỏ khác. Những cây da cổ thụ ở Sri Lanka hay Ấn Độ có nhiều cây nhỏ bao quanh như một đám rừng vậy. Cây da cổ thụ ở Sri Lanka có 350 thân cây lớn với 3.000 cây thân nhỏ! Trong Vườn Bách Thảo Quốc Gia Kolkata ở Ấn Độ có cây da 300 tuổi và cho bóng mát trên một châu vi 1.000m. Cây da là quốc mộc của Ấn Độ. Lá cây da to, láng và dày. Trái tròn khi chín chuyển sang màu đỏ giống như trái sung. Cây da rất cần nước nên nó không thể mọc ở những vùng đất khô hạn.

Người Ấn Độ gọi cây da là bargad, banya. Nhiều nơi khác ở Ấn Độ gọi cây da là Vada. Tiếng Sanskrit gọi là bahupada. Có phải chăng chữ ĐA mà người Việt Nam gọi là âm cuối cùng của chữ VADA hay BAHUPADA? Người Anh gọi cây da là Banyan tree, Indian banya tree xuất phát từ chữ banya của Ấn Độ mà ra. Chữ banya không có nghĩa là cây cối gì cả mà có nghĩa là cửa tiệm hay thương nhân. Vì ngày xưa người Ấn Độ mở cửa tiệm dưới bóng mát của cây da để buôn bán. Ở nước ta có quán bà Bầu dưới gốc cây da nên trước năm 1954 ở Sài Gòn - Chợ Lớn có đường **Da Bà Bầu** (quán của bà Bầu dưới tàng cây da. Người Nam Bộ gọi là CÂY DA chứ không phải CÂY ĐA).

Y thư Ayurveda của Ấn Độ trân quý cây da. Lá, rễ, trái, rễ treo, nhựa cây da đều được dùng làm thuốc cầm máu trị xuất huyết, trĩ, bình về mặt, đau âm hộ, ho, sốt, lở loét, ói mửa, viêm, phong hủi. Nhựa được xem là bổ dưỡng, kích dục, giảm viêm, trị lâm lậu. Rễ được dùng để trị giang mai, bình về mặt, kiết lỵ, tiêu chảy, viêm gan. Lá cây da lông tức lá tì bà dùng để trị ho và thủy thũng.

Ở Việt Nam dược gốc cây da thường có một cái miếu nhỏ thờ Thần. Từ đó có câu:

Thần cây da,

Ma cây gạo,

Cú cáo cây đề

Cây da cây Thần

Thần cây da.

Trong văn chương Việt Nam người ta thường mượn hình ảnh cây da đầu làng, cây da bến nước, cây da đầu đình để gợi tình hoài hương. Ca dao Việt Nam nói nhiều về cây da như:

*Cây da cũ, con én rũ, cây da tàn,
Bao nhiêu lá rụng, em thương chàng bấy nhiêu.
Trăm năm dẫu lỗi hẹn hò
Cây da bến cũ con đò khác đưa.
Cây da bến cộ còn lưu,
Con đò đã thác năm xưa tẻ rồi.*

Trong chuyện cổ tích có chuyện Cây Da với Thằng Cuội tạo nguồn cảm hứng cho Lê Thương phổ nhạc. Vào thế kỷ XVIII Phạm Đình Hồ tức Chiêu Hồ (chiêu: cậu ấm, cậu chiêu, con của các tiến sĩ ngày xưa) cũng dựa vào cảm hứng này khi viết:

*Khi nào trong thả lên cung nguyệt,
Cho cả cành đa với củ đa.*

Dùng tên thảo mộc để đặt địa danh cho thấy tiền nhân chúng ta ý thức được tầm quan trọng của cây cỏ trong đời sống. Sự gia tăng dân số, nhu cầu xây dựng nhà cửa, các công trình lợi ích công cộng, việc phá rừng khai thác gỗ, làm củi, hầm than hay nói rộng diện tích canh tác, chiến tranh, bột hóa học khai hoang hủy hoại một số thảo mộc đáng kể trong nước. Các địa danh ghi trên không còn mang ý nghĩa ban đầu của chúng. Chiến tranh ma túy trên thế giới đưa cây coca *Erythroxylum coca*, cây thuốc *Papaver somniferum* và cần sa *Cannabis sativa* vào nguy cơ tuyệt chủng. Nếu Jean Jacques Rousseau còn sống, ông vẫn giữ câu nói của ông:

"Tout est bien sortant de la main de l'auteur des choses. Tout dégénère entre les mains de l'homme."
Thảo mộc là sản phẩm Thiên tạo.. Á phiện, cần sa, cocain là sản phẩm Nhân tạo.

Phạm Đình Lân. F.A.B.I.

Phần 1: Tên do địa hình, địa thế

Bắt đầu bằng một câu hát dân gian ở vùng Ba Tri, tỉnh Bến Tre:

*"Gió đưa gió đẩy,
về rẫy ăn còng,
về bưng ăn cá,
về giồng ăn dưa..."*

Giồng

là chỗ đất cao hơn ruộng, trên đó nông dân cất nhà ở và trồng rau, đậu, khoai củ cùng một số loại cây ăn trái. Bởi vậy nên mới có bài hát: "trên đất giồng mình trồng khoai lang..."

Một con giồng có thể bao gồm một hay nhiều xã. Ở Bến Tre, Giồng Trôm đã trở thành tên của một quận (huyện).

Lại nhắc đến một câu hát khác:

*"Ai dzia Giồng Dừa qua trướng
Gió rung bông sậy, bỏ buồn cho em..."*

Giồng Dừa ở Mỹ Tho, khoảng từ chỗ qua khỏi ngã ba Trung Lương đến cầu Long Định, ở bên phải quốc lộ 4 là Giồng Dừa. Sở dĩ có tên như thế vì vùng này ở hai bên bờ sông có nhiều cây dừa. (Dừa đây không phải là loại cây có trái mà người miền Nam gọi là thơm, khóm. Đây là loại cây có lá gai dánh như lá thơm nhưng to hơn và dày hơn, màu xanh mượt. Lá này vắt ra một thứ nước màu xanh, có mùi thơm dùng để làm bánh, đặc biệt là bánh da lợn).

Vừa rồi có nhắc đến trướng, hồi xưa về Giồng Dừa thì phải qua trướng, vậy trướng là gì?

Trướng

là đường xuyên ngang một khu rừng, lối đi có sẵn nhưng hai bên và phía trên đầu người đi đều có thân cây và cành lá bao phủ. Ở vùng Dĩ An có trướng Sim. Ở miền Trung, thời trước có trướng nhà Hồ.

*"Thương em anh cũng muốn vô
Sợ trường nhà Hồ, sợ phá Tam Giang"*

Tại sao lại có câu ca dao này?

Ngày xưa trường nhà Hồ thuộc vùng Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, còn gọi là Hồ Xá Lâm. Nơi đó địa hình trắc trở, thường có đạo tặc ẩn núp để cướp bóc nên ít người dám qua lại.

Phá

là lạch biển, nơi hội ngộ của các con sông trước khi đổ ra biển nên nước xoáy, sóng nhiều thường gây nguy hiểm cho thuyền bè. Phá Tam Giang thuộc tỉnh Thừa Thiên, phía bắc của phá Tam Giang là sông Ô Lâu đổ ra biển, phía nam là sông Hương đổ ra cửa Thuận An.

Bàu

là nơi đất trũng, mùa mưa nước khá sâu nhưng mùa nắng chỉ còn những vũng nước nhỏ hay khô hẳn. Khác với đầm, vì đầm có nước quanh năm. Ở Sài Gòn, qua khỏi Ngã Tư Bảy Hiền chừng 1 km về hướng Hóc Môn, phía bên trái có khu Bàu Cát. Bây giờ đường xá được mở rộng, nhà cửa xây rất đẹp nhưng mùa mưa vẫn thường bị ngập nước. Ở Long Khánh có Bàu Cá, Rạch Giá có Bàu Cò.

Đầm

chỗ trũng có nước quanh năm, mùa mưa nước sâu hơn mùa nắng, thường là chỗ tận cùng của một dòng nước đổ ra sông rạch hoặc chỗ một con sông lở bờ nước tràn ra hai bên nhưng vẫn dòng nước vẫn tiếp tục con đường của nó. Ở Cà mau có Đầm Dơi, Đầm Cùn. Ở quận 11 Sài Gòn có Đầm Sen, bây giờ trở thành một trung tâm giải trí rất lớn.

Bưng

từ gốc Khmer là bâng, chỉ chỗ đất trũng giữa một cánh đồng, mùa nắng không có nước đọng, nhưng mùa mưa thì ngập khá sâu và có các thứ lác, đưng... mọc. Mùa mưa ở bưng thường có nhiều cá đồng.

"...về bưng ăn cá, về giồng ăn dưa".

Ở Ba Tri, tỉnh Bến Tre, có hai bưng là Bưng Trôm và Bưng Cốc.

Láng

chỗ đất thấp sát bên đường nước chảy nên do nước tràn lên làm ngập nước hoặc ẩm thấp quanh năm. Ở Đức Hoà (giữa Long An và Sài Gòn) có Láng Le, được gọi như vậy vì ở lán này có nhiều chim le le đến kiếm ăn và đẻ. Vùng Khánh Hội (quận 4 Sài Gòn) xưa kia được gọi là Láng Thọ vì có những chỗ ngập do nước sông Sài Gòn tràn lên. Người Pháp phát âm Láng Thọ thành Lãng Tô, một địa danh rất phổ biến thời Pháp thuộc.

Trảng

chỗ trống trải vì không có cây mọc, ở giữa một khu rừng hay bên cạnh một khu rừng. Ở Tây Ninh có Trảng Bàng, địa danh xuất phát từ một cái trảng xưa kia có nhiều cỏ bàng vì ở vùng ven Đồng Tháp Mười. Ở Biên Hoà có Trảng Bom, Trảng Táo.

Đồng

khoảng đất rất rộng lớn bằng phẳng, có thể gồm toàn ruộng, hoặc vừa ruộng vừa những vùng hoang chưa khai phá. Một vùng trên đường từ Gia Định đi Thủ Đức, qua khỏi ngã tư Bình Hoà, trước kia toàn là ruộng, gọi là Đồng Ông Cộ. Ra khỏi Sài Gòn chừng 10 km trên đường đi Lái Thiêu có Đồng Chó Ngáp, được gọi như thế vì trước kia là vùng đất phèn không thuận tiện cho việc cày cấy, bị bỏ hoang và rất vắng vẻ, trống trải. Ở Củ Chi có Đồng Dù, vì đã từng được dùng làm nơi tập nhảy dù. Và to, rộng hơn rất nhiều là Đồng Tháp Mười.

Hố

chỗ đất trũng, mùa nắng khô ráo nhưng mùa mưa có nơi nước lấp xấp. Ở Củ Chi có Hố Bò, vì bò nuôi trong vùng thường đến đó ăn cỏ. Biên Hoà có Hố Nai, là nơi những người Bắc di cư năm 1954 đến lập nghiệp, tạo thành một khu vực sầm uất.

Phần 2 : Tên bắt nguồn từ tiếng Khmer

Miền Nam, đặc biệt là khu vực đồng bằng sông Cửu Long, người Việt và người Khmer sống chung với nhau, văn hoá đã ảnh hưởng qua lại lẫn nhau. Điều đó biểu hiện rõ nét qua một số địa danh. Một số nơi, tên gọi nghe qua thì rất Việt Nam nhưng lại bắt nguồn từ tiếng Khmer; người Việt đã Việt hoá một cách tài tình.

Cần Thơ

Khi đối chiếu địa danh Cần Thơ với tên Khmer nguyên thủy của vùng này là Prek Rusey (sông tre), không thấy có liên quan gì về ngữ âm, người nghiên cứu chưa thể vội vàng kết luận là Cần Thơ là một địa danh hoàn toàn

Việt Nam và vội đi tìm hiểu căn cứ ở các nghĩa có thể hiểu được của hai chữ Hán Việt "cần" và "thơ". Cần Thơ không phải là từ Hán Việt và không có nghĩa. Nếu dò tìm trong hướng các địa danh Việt hoá, người nghiên cứu có thể thấy ngữ âm của Cần Thơ rất gần với ngữ âm của từ Khmer "kintho", là một loại cá hầy còn khá phổ biến ở Cần Thơ, thông thường được gọi là cá sặc rần, nhưng người ở Bến Tre vẫn gọi là cá "lò thơ". Từ quan điểm vững chắc rằng "lò thơ" là một danh từ được tạo thành bằng cách Việt hoá tiếng Khmer "kintho", người nghiên cứu có thể sưu tầm các tài liệu về lịch sử dân tộc, về sinh hoạt của người Khmer xa xưa trong địa phương này, rồi đi đến kết luận là địa danh Cần Thơ xuất phát từ danh từ Khmer "kintho".

Mỹ Tho

Trường hợp Mỹ Tho cũng tương tự. Sự kết hợp hai thành tố có ngữ âm hoàn toàn Việt Nam, "mỹ" và "tho", không tạo nên một ý nghĩa nào theo cách hiểu trong tiếng Việt. Những tài liệu thích ứng về lịch sử và sinh hoạt của người Khmer trong vùng thời xa xưa đã xác định địa phương này có lúc đã được gọi là "Srock Mỹ Xó" (xứ nàng trắng). Minh gọi là Mỹ Tho, đã bỏ đi chữ Srock, chỉ còn giữ lại Mỹ Xó thôi.

Sóc Trăng

Theo cổ học giả Vương Hồng Sển, đúng ra phải gọi là Sóc Trăng. Sóc Trăng xuất phát từ tiếng Khmer "Srock Khléang". Srock có nghĩa là xứ, cõi. Khléang là kho chứa vàng bạc của vua. Srock Khléang là xứ có kho vàng bạc nhà vua. Trước kia người Việt viết là Sóc Kha Lăng, sau nữa biến thành Sóc Trăng. Tên Sóc Trăng đã có những lần bị biến đổi hoàn toàn. Thời Minh Mạng, đã đổi lại là Nguyệt Giang tỉnh, có nghĩa là sông trắng (sóc thành sông, tiếng Hán Việt là giang; trắng là nguyệt). Đến thời ông Diệm, lại gọi là tỉnh Ba Xuyên, châu thành Khánh Hưng. Bây giờ trở lại là Sóc Trăng.

Bãi Xàu

Bãi Xàu là tên một quận thuộc tỉnh Sóc Trăng. Đây là một quận ven biển nên có một số người vội quyết đoán, cho rằng đây là một trường hợp sai chính tả, phải gọi là Bãi Sau mới đúng. Thật ra, tuy là một vùng bờ biển nhưng Bãi Xàu không có nghĩa là bãi nào cả. Nó xuất phát từ tiếng Khmer "bai xao" có nghĩa là cơm sống. Theo truyền thuyết của dân địa phương, có địa danh này là vì nơi đây ngày trước, một lực lượng quân Khmer chống lại nhà Nguyễn đã phải ăn cơm chưa chín để chạy khi bị truy đuổi.

Kế Sách

Kế Sách cũng là một quận của Sóc Trăng. Kế Sách nằm ở gần cửa Ba Thắc (một cửa của sông Cửu Long), phần lớn đất đai là cát do phù sa sông Hậu, rất thích hợp cho việc trồng dưa và mía. Cát tiếng Khmer là K'sach, như vậy Kế Sách là sự Việt hoá tiếng Khmer "k'sach".

Một số địa danh khác

Cái Răng (thuộc Cần Thơ) là sự Việt hoá của "k'ran", tức cà ràn, là một loại bếp lò nấu bằng củi, có thể trước kia đây là vùng sản xuất hoặc bán cà ràn. **Trà Vinh** xuất phát từ "prha trapeh" có nghĩa là ao linh thiêng. Sông Trà Cuông ở Sóc Trăng do tiếng Khmer "Prek Trakum", là sông rau muống (trakum là rau muống). **Sa Đéc** xuất phát từ "Phsar Dek", phsar là chợ, dek là sắt. **Tha La**, một địa danh nổi tiếng ở Tây Ninh (Tha La xóm đạo), do tiếng Khmer "srala", là nhà nghỉ ngơi, tu dưỡng của tu sĩ Phật giáo. **Cà Mau** là sự Việt hoá của tiếng Khmer "Tuck Khmau", có nghĩa là nước đen. **Phân**

3- Địa danh do công dụng của một địa điểm hay do một khu vực sinh sống làm ăn.

Đây là trường hợp phổ biến nhất trong các địa danh. Theo thói quen, khi muốn hướng dẫn hay diễn tả một nơi chốn nào đó mà thườ ban đầu chưa có tên gọi, người ta thường hay mượn một điểm nào khá phổ biến của nơi đó, như cái chợ cái cầu và thêm vào một vào đặc tính nữa của cái chợ cái cầu đó; lâu ngày rồi thành tên, có khi bao trùm cả một vùng rộng lớn hơn vị trí ban đầu.

Chợ

Phổ biến nhất của các địa danh về chợ là chợ cũ, chợ mới, xuất hiện ở rất nhiều nơi. Sài Gòn có một khu Chợ Cũ ở đường Hàm Nghi đã trở thành một địa danh quen thuộc. Chợ Mới cũng trở thành tên của một quận trong tỉnh An Giang. Kế bên Sài Gòn là Chợ Lớn, xa hơn chút nữa là Chợ Nhỏ ở Thủ Đức. Địa danh về chợ còn được phân biệt như sau;

- Theo loại hàng được bán nhiều nhất ở chợ đó từ lúc mới có chợ, như: Chợ Gạo ở Mỹ Tho, Chợ Búng (đáng lý là Bún) ở Lái Thiêu, Chợ Đệm ở Long An, Chợ Đũi ở Sài Gòn.
- Theo tên người sáng lập chợ hay chủ chợ (độc quyền thu thuế chợ), như: chợ Bà Chiêu, chợ Bà Hom, chợ Bà Quẹo, chợ Bà Rịa.
- Theo vị trí của chợ, như: chợ Giữa ở Mỹ Tho, chợ Cầu (vì gần một cây cầu sắt) ở Gò Vấp, chợ Cầu Ông Lãnh ở Sài Gòn.

Xóm

là một từ để phân biệt một khu vực trong làng hay một địa phương lớn hơn, về mục tiêu sản xuất, thương mại hay chỉ đơn thuần về vị trí.

Đơn thuần về vị trí, trong một làng chẳng hạn, có Xóm Trên, Xóm Dưới, Xóm Trong, Xóm Ngoài, Xóm Chùa, Xóm Đình...

Về các mục tiêu sản xuất và thương mại, ngày nay cách phân biệt các xóm chỉ còn ở nông thôn mà không còn phổ biến ở thành thị.

Những địa danh còn sót lại về xóm ở khu vực Sài Gòn, Chợ Lớn: vùng phụ cận chợ Bà Chiêu có Xóm Giá, Xóm Gà. Gò Vấp có Xóm Thơm. Quận 4 có Xóm Chiếu. Chợ Lớn có Xóm Than, Xóm Củi, Xóm Vôi, Xóm Trĩ (Trĩ là những nhánh cây hay thân cây sần sề to cỡ bằng ngón chân cái, dài chừng 2 mét, dùng để làm rào, làm lưới hay làm bủa để nuôi tằm).

Thủ

là danh từ chỉ đồn canh gác dọc theo các đường sông, vì khá phổ biến thời trước nên "thủ" đã đi vào một số địa danh hiện nay hãy còn thông dụng, như: Thủ Đức, Thủ Thiêm, Thủ Ngữ (Sài Gòn), Thủ Thừa (Long An), Thủ Dầu Một (Bình Dương). Đức, Thiêm, Ngữ, Thừa có lẽ là tên những viên chức được cử đến cai quản các thủ này và đã giữ chức vụ khá lâu nên tên của họ đã được người dân gắn liền với nơi làm việc của họ. Còn Thủ Dầu Một thì ở thủ đó ngày xưa có một cây dầu mọc lẻ loi. (Lý luận chỗ này có vẻ hơi bậy)

Bến

ban đầu là chỗ có đủ điều kiện thuận tiện cho thuyền ghé vào bờ hoặc đậu lại do yêu cầu chuyên chở, lên xuống hàng. Sau này nghĩa rộng ra cho cả xe đò, xe hàng, xe lam...

Cũng như chợ, bến thường được phân biệt và đặt tên theo các loại hàng được cất lên nhiều nhất. Một số tên bến đặt theo cách này đã trở thành tên riêng của một số địa phương, như: Bến Cỏ, Bến Súc, Bến Củi ở Bình Dương. Bến Đá ở Thủ Đức. Bến Gỗ ở Biên Hoà.

Ngoài ra bến cũng còn có thể được đặt tên theo một đặc điểm nào ở đó, như một loại cây, cỏ nào mọc nhiều ở đó, và cũng trở thành tên của một địa phương, như:

Bến Tranh ở Mỹ Tho, Bến Lức ở Long An (đáng lý là lút, là một loại cây nhỏ lá nhỏ, rễ dùng làm thuốc, đông y gọi là sài hồ).

Một số trường hợp khác

Có một số địa danh được hình thành do vị trí liên hệ đến giao thông, như ngã năm, ngã bảy, cầu, rạch... thêm vào đặc điểm của vị trí đó, hoặc tên riêng của một nhân vật có tiếng ở tại vị trí đó. Ở Sài Gòn có rất nhiều địa danh được hình thành theo cách này: Ngã Tư Bảy Hiền, Ngã Năm Chuông Chó, Ngã Ba Ông Tạ... Ở Trà Vinh có Cầu Ngang đã trở thành tên của một quận. Trường hợp hình thành của địa danh Nhà Bè khá đặc biệt, đó là vị trí ngã ba sông, nơi gặp nhau của 2 con sông Đồng Nai và Bến Nghé trước khi nhập lại thành sông Lòng Tàu. Lúc ròng, nước của hai con sông đổ ra rất mạnh thuyền bè không thể đi được, phải đậu lại đợi con nước lớn để nương theo sức nước mà về theo hai hướng Gia Định hoặc Đồng Nai.

*"Nhà Bè nước chảy chia hai,
Ai về Gia Định, Đồng Nai thì về."*

Tương truyền có ông Thủ Huồng là một viên chức cai quản "thủ" ở vùng đó, tham nhũng nổi tiếng. Có lần nằm mơ thấy cánh mình chết bị xuống âm phủ phải đền trả những tội lỗi khi còn sống. Sau đó ông từ chức và bắt đầu làm phúc bố thí rất nhiều.